

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Ý YÊN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 4 - 2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc Bích.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Dung, bà Trịnh Thị Hồng Thắm.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Ngày 22/4/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 240/2019/TLST- HNGĐ ngày 02/12/2019 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 240/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/4/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị C, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Nam Định;

Bị đơn: Anh Đỗ Duy Đ, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Nam Định;

Tại phiên tòa: Vắng mặt chị C, anh Đ (chị C, anh Đ xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn Chị Trần Thị C trình bày: Chị và Anh Đỗ Duy Đ tự nguyện kết hôn với nhau ngày 16/01/2002, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Nam Định. Sau kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Đ đi nước ngoài làm ăn, trong quá trình đó giữa chị và anh Đ hay xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung. Hiện nay chị và anh Đ đang sống ly thân nhau, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có hai con chung là Đỗ Thị Lan A, sinh ngày 21/01/2003 và Đỗ Hoàng L, sinh ngày 12/12/2005. Chị có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cả hai con chung. Không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, nếu anh Đ có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai con chung chị cũng đồng ý để anh Đ nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai đề ngày 23/3/2020, bị đơn Anh Đỗ Duy Đ trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn phù hợp với lời khai của chị C. Anh cũng xác định trong quá trình chung sống giữa anh và chị C có xảy ra mâu thuẫn do năm 2012 anh đi xuất khẩu lao động thì chị C ở nhà thay lòng đổi dạ với anh và đòi ly hôn. Kể từ khi anh đi xuất khẩu lao động là vợ chồng sống ly thân. Nay chị C xin ly hôn anh không nhất chí vì anh theo đạo thiên chúa giáo nên không muốn ly hôn sẽ có tội với Chúa. Anh về Việt Nam từ tháng 10/2019, có gọi điện liên lạc với chị C nhưng chị C không nghe máy, bản thân chị C cũng không liên lạc gì cho anh, cố tình xa cách anh. Nếu chị C cố tình ly hôn thì đề nghị Toà án giải quyết đơn phương ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị C có hai con chung là Đỗ Thị Lan A, sinh ngày 21/01/2003 và Đỗ Hoàng L, sinh ngày 12/12/2005. Anh có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cả hai con chung, anh không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại buổi làm việc, chị C có mặt, anh Đ vắng mặt. Chị C có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Toà án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh Đ theo quy định tại khoản 3 Điều 210 và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa: Chị C và anh Đ xin giải quyết vắng mặt. Chủ tọa phiên tòa công bố đơn của chị C, anh Đ đề nghị xét xử vắng mặt. Vụ án được xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền của Tòa án: Đây là vụ án tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” do nguyên đơn Chị Trần Thị C thực hiện quyền khởi kiện. Bị đơn Anh Đỗ Duy Đ có nơi cư trú tại thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Nam Định nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật

Tổ tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án chị C, anh Đ xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị C và Anh Đỗ Duy Đ tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 16/01/2002 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Nam Định nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ việc anh Đ đi xuất khẩu lao động nước ngoài, khoảng cách địa lý làm cho tình cảm vợ chồng phai nhạt hơn, giữa anh chị không tìm được tiếng nói chung, từ đó xảy ra bất đồng. Khi anh Đ về nước, anh, chị vẫn không tìm được tiếng nói chung, không còn liên lạc hay quan hệ tình cảm vợ chồng gì với nhau và tiếp tục sống ly thân. Chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên kiên quyết xin ly hôn với anh Đ. Anh Đ xác định cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, bất đồng do trong thời gian anh đi xuất khẩu lao động chị C đã thay lòng đổi dạ, luôn có ý định ly hôn anh nhưng vì anh theo đạo Thiên chúa giáo nên không đồng ý ly hôn. Thực tế anh chị đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Anh Đ cũng thừa nhận không có biện pháp gì để níu kéo và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho anh chị nhưng anh Đ lại không có mặt, chị C có đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải vụ án và kiên quyết xin ly hôn anh Đ nên Toà án không thể gắn kết hạnh phúc cho anh chị được. Xét thấy, anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn của chị C, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị C và anh Đ có hai con chung là Đỗ Thị Lan A, sinh ngày 21/01/2003 và Đỗ Hoàng L, sinh ngày 12/12/2005. Trong đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 05/12/2019 chị C có quan điểm xin được nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Tuy nhiên, tại phiên kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ chị C có quan điểm nếu anh Đ có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai con chung chị cũng đồng ý để anh Đ nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự giao cả hai con chung cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận sự tự nguyện của anh Đ không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị C, anh Đ không yêu cầu Toà án giải quyết.

[3] Về án phí: Các đương sự phải nộp án phí ly hôn theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa Chị Trần Thị C và Anh Đỗ Duy Đ.

2. Về con chung: Giao cả hai con chung là Đỗ Thị Lan A, sinh ngày 21/01/2003 và Đỗ Hoàng L, sinh ngày 12/12/2005 cho Anh Đỗ Duy Đ nuôi dưỡng, anh Đ không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị C và anh Đ không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị C phải nộp 300.000 đồng, đối trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0001283, ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, chị C đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo của đương sự: Chị C và anh Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh+Huyện: 02 bản;
- Chi cục Thi hành án dân sự: 01 bản;
- Các đương sự: 01 bản;
- UBND xã T: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Thị Ngọc Bích